TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13/5/2024
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Th - anh V)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.
2. Ông Trần Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 02/TB-TA ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1985 (chị Th vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn HN, xã NT, huyện T1, tỉnh T2.

- Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1983 (anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Địa chỉ: Thôn HN, xã NT, huyện T1, tỉnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày:

Chị và anh Trần Văn V, sinh năm 1983, có địa chỉ tại thôn Hải Ngoại, xã NT, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 02/01/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay không ai không còn quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn V.

Về con chung, chị và anh V có 02 con chung là Trần Đình V1, sinh ngày 07/4/2005; con Trần Văn K, sinh ngày 01/9/2008. Hiện con Trần Đình V1 đã trưởng thành, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Trần Văn K và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho anh Trần Văn V thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh V không đến Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại thôn HN, xã NT, huyện T1, tỉnh T2, anh Trần Văn V, sinh năm 1983, trú tại thôn HN, xã NT, huyện T1, tỉnh T2 trình bày:

Anh và chị Trần Thị Th tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 02/01/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tháng 5/2023 chị Th tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Nay chị Th xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho hai anh chị đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Hai anh, chị có 02 con chung là Trần Đình V1, sinh ngày 07/4/2005; con Trần Văn K, sinh ngày 01/9/2008. Hiện con Trần Đình V1 đã trưởng thành, cháu Trần Văn K có nguyện vọng ở cùng ai là do cháu lựa chọn. Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh V nhận được văn bản tố tụng do Tòa án gửi nhưng anh bận công việc nên không đến Tòa án để làm viêc được.

Tại biên bản xác minh ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở UBND xã NT, huyện T1, ông Đào Văn H, Phó Chủ tịch UBND xã và ông Tạ Văn D, Cán bộ tư pháp xã cung cấp:

Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 02/01/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại địa phương. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh V, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ con chung, quá trình chung sống chị Th và anh V có 02 con chung là Trần Đình V1, sinh ngày 07/4/2005; con Trần Văn K, sinh ngày 01/9/2008. Hiện con Trần Đình V1 đã trưởng thành. Nếu anh, chị ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung Trần Văn K theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống chị Th và anh V có tài sản chung, nợ chung hay không địa phương không nắm được.

Tại phiên công khai chứng cứ, hòa giải ngày 22/3/2024, chị Th có mặt, anh V vắng mặt không có lý do. Ngày 12/4/2024, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị Trần Thị Th vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V không đến phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 13/5/2024.

Tại phiên tòa hôm nay, anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Th có đơn xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng

dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn V. Về con chung, anh chị có 02 con chung là Trần Đình V1, sinh ngày 07/4/2005; con Trần Văn K, sinh ngày 01/9/2008; con Trần Đình V1 đã trưởng thành; giao cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Văn K, chị Th không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung; anh V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị Th vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Văn V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Th và anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Th cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

[2.2] Chị Th có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh V có biết nhưng không đến Tòa án. Tòa án đã tổ chức hòa giải, anh V vắng mặt, anh V không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để vợ chồng trở về đoàn tụ. Tại các phiên tòa, anh V đều vắng mặt; chị Th kiên quyết xin ly hôn, bản thân anh V và chị Th đã sống ly thân từ năm 2023. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị Th và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn V.

[3] Về con chung: Chị Th và anh V có 02 con chung là Trần Đình V1, sinh ngày 07/4/2005; con Trần Văn K, sinh ngày 01/9/2008. Hiện con Trần Đình V1 đã trưởng thành. Chị Th có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Văn K, mặt khác cháu Trần Văn K có đơn đề nghị được ở cùng mẹ, anh V đồng ý theo nguyện vọng của con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần giao cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Văn K, sinh ngày 01/9/2008. Chị Th không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; anh V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn V có hai con chung là có 02 con chung là Trần Đình V1, sinh ngày 07/4/2005; con Trần Văn K, sinh ngày 01/9/2008. Con Trần Đình V1 đã trưởng thành. Giao cho chị Trần Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn K, sinh ngày 01/9/2009. Chị Th không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Trần Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo Biên lai số 0002456 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2, chị Trần Thị Th đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã NT (ĐKKH ngày 02/01/2004);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền